

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH- ĐIỂM TRƯỜNG THÔN 2
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	288.000.000	23.040.000	311.040.000	Gxd	Gxd1
1	Xây tường rào điểm chính (thay thế cho tường rào đã gãy, đổ, không an toàn sử dụng); qui mô dài 90,0 mét	288.000.000	23.040.000	311.040.000	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	9.924.480	793.958	10.718.438	Gqlđa	Gxdb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	32.180.800	2.574.464	34.755.265	Gtv	Gtv=Gtv1+...+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	18.720.000	1.497.600	20.217.600	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.000.000	160.000	2.160.000	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.000.000	160.000	2.160.000	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	9.460.800	756.864	10.217.665	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	3.350.000	0	3.350.000	Gk	Gk=Gk1+...+Gk3
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.850.000		2.850.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			17.993.185	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			17.993.185	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)			378.000.000	TMĐT	I+II+....+V



Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP

GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH- ĐIỂM TRƯỜNG THÔN KROONG KLAH
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌK BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	120.500.000	9.640.000	130.140.000	Gxd	GxdI
1	ửa chữa 03 khu vệ sinh trong phòng học	120.500.000	9.640.000	130.140.000	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	4.152.430	332.194	4.484.624	Gqlda	Gxldb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	15.790.925	1.263.274	17.054.200	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	7.832.500	626.600	8.459.100	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.000.000	160.000	2.160.000	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.000.000	160.000	2.160.000	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.958.425	316.674	4.275.100	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	3.350.000	0	3.350.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.850.000		2.850.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			7.751.441	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			7.751.441	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)			163.000.000	TMĐT	I+II+.....+V

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thuận

	THÀNH MỤC CHI PHÍ	DVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa 03 khu vệ sinh trong phòng học				120.500.000
	Thay xi bet++ phụ kiện	bộ	9	5.000.000	45.000.000
	Thay lavabo+ phụ kiện	bộ	9	3.500.000	31.500.000
	Thay thẻ đường ống cấp thoát nước	ht	1	15.000.000	15.000.000
	Thông hút hầm cầu	lần	1	5.000.000	5.000.000
	Sửa chữa cửa khu vệ sinh	m2	20	1.200.000	24.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO BÁ QUÁT- ĐIỂM TRƯỜNG THÔN KON HONGO KTU
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌK BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	992.160.000	79.372.800	1.071.532.800	Gxd	$Gxd1+Gxd3$
1	Sửa chữa Khu hiệu bộ	551.550.000	44.124.000	595.674.000	Gxd1	<i>Bảng TH</i>
2	Sửa chữa nhà học 03 phòng	317.640.000	25.411.200	343.051.200		<i>Bảng TH</i>
3	Sửa chữa khu vệ sinh chung	122.970.000	9.837.600	132.807.600		<i>Bảng TH</i>
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	34.189.834	2.735.187	36.925.020	Gqlda	$Gxdb*3,446\%$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	102.123.029	8.169.842	110.292.872	Gtv	$Gtv=Gtv1+..+Gtv4$
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	64.490.400	5.159.232	69.649.632	Gtv1	$Gxd*6,5\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.559.773	204.782	2.764.555	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.480.400	198.432	2.678.832	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	32.592.456	2.607.396	35.199.853	Gtv4	$Gxd*3,285\%$
IV	CHI PHÍ KHÁC	3.350.000	0	3.350.000	Gk	$Gk=Gk1+..+Gk2$
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	$TMĐT*0,019\%*0,5(TT\ 500.000)$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.850.000		2.850.000	Gk2	$TMĐT*0,57\%$
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			61.105.035	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			61.105.035	Gdp1	$Gdp\ 5\%$
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)			1.283.000.000	TMĐT	$I+II+.....+V$

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

	TT HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1 Sửa chữa Khu hiệu bộ					
	Tháo dỡ mái ngói hư hỏng, thay thế bằng mái tôn	m2	455	260.000	118.300.000
	Thay xà gồ thép hộp 50*100*1,4	tấn	1,5	30.000.000	45.000.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	50.000.000	50.000.000
	Xử lý các vết nứt tường	toàn bộ	1	15.000.000	15.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1225	170.000	208.250.000
	Sơn lại cửa gỗ, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	70.000.000	70.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	45.000.000	45.000.000
2 Sửa chữa nhà học 03 phòng					
	Tháo dỡ mái ngói hư hỏng, thay thế bằng mái tôn	m2	234	260.000	60.840.000
	Thay xà gồ thép hộp 50*100*1,4	tấn	1,2	30.000.000	36.000.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	40.000.000	40.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	630	160.000	100.800.000
	Sơn lại cửa gỗ, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	35.000.000	35.000.000
3 Sửa chữa khu vệ sinh chung					
	Xử lý chống thấm sê nô	m2	1	10.000.000	10.000.000
	Lát gạch chống trượt	m2	25	450.000	11.250.000
	Thay hệ thống cửa bằng nhôm	m2	7,92	3.500.000	27.720.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	100	170.000	17.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	m2	1	2.000.000	2.000.000
	Thay thế thiết bị vệ sinh, đường ống	toàn bộ	1	50.000.000	50.000.000
	Hút hầm cầu	toàn bộ	1	5.000.000	5.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẶNG TRẦN CÔN- THÔN MĂNG LA
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌK BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.115.250.000	89.220.000	1.204.470.000	Gxd	$Gxd1+Gxd2$
1	Sửa chữa nhà học 08 phòng (02 tầng)	527.250.000	42.180.000	569.430.000	Gxd1	Bảng TH
2	Sửa chữa nhà học 06 phòng (02 tầng)	588.000.000	47.040.000	635.040.000		Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	38.431.515	3.074.521	41.506.036	Gqlđa	$Gxdb*3,446\%$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	114.792.683	9.183.415	123.976.098	Gtv	$Gtv=Gtv1+..+Gtv4$
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	72.491.250	5.799.300	78.290.550	Gtv1	$Gxd*6,5\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.877.345	230.188	3.107.533	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.788.125	223.050	3.011.175	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	36.635.963	2.930.877	39.566.840	Gtv4	$Gxd*3,285\%$
IV	CHI PHÍ KHÁC	7.340.000	0	7.340.000	Gk	$Gk=Gk1+..+Gk2$
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	$TMĐT*0,019\%*0,5(TT$ $500.000)$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.840.000		6.840.000	Gk2	$TMĐT*0,57\%$
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			68.864.607	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			68.864.607	Gdp1	$Gdp\ 5\%$
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.446.000.000	TMĐT	$I+II+.....+V$

KON TUM ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP

 **GIÁM ĐỐC**
Trần Văn Chuẩn

	TT HÀNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa nhà học 08 phòng (02 tầng)	m2	550		527.250.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	65.000.000	65.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1925	170.000	327.250.000
	Sơn lại cửa sắt kính	toàn bộ	1	65.000.000	65.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	70.000.000	70.000.000
2	Sửa chữa nhà học 06 phòng (02 tầng)	m2	450		588.000.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	60.000.000	60.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1575	160.000	252.000.000
	Thay thế cửa gỗ bị hư hỏng thành cửa sắt kính	m2	120	1.800.000	216.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	60.000.000	60.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS KROONG- THÔN 2
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.263.400.000	101.072.000	1.364.472.000	Gxd	$Gxd1+Gxd2$
1	Sửa chữa nhà học 04 phòng	367.000.000	29.360.000	396.360.000	Gxd1	Bảng TH
2	Tường rào các mặt bị hỏng	896.400.000	71.712.000	968.112.000		Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	43.536.764	3.482.941	47.019.705	Gqlđa	$Gxd\delta *3,446\%$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	130.041.762	10.403.341	140.445.103	Gtv	$Gtv=Gtv1+..+Gtv4$
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	82.121.000	6.569.680	88.690.680	Gtv1	$Gxd*6,5\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	3.259.572	260.766	3.520.338	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	3.158.500	252.680	3.411.180	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	41.502.690	3.320.215	44.822.906	Gtv4	$Gxd*3,285\%$
IV	CHI PHÍ KHÁC	9.050.000	0	9.050.000	Gk	$Gk=Gk1+..+Gk2$
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	$TMĐT*0,019\%*0,5(TT$ $500.000)$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	8.550.000		8.550.000	Gk2	$TMĐT*0,57\%$
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			78.049.340	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			78.049.340	Gdp1	$Gdp 5\%$
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.639.000.000	TMĐT	$I+II+.....+V$

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

	THÀNH MỤC CHI PHÍ	DVT	QUY Mô	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa nhà học 04 phòng	m2	250		367.000.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	30.000.000	30.000.000
	Trám và các vết nứt tường, trát lại các vị trí bong độ	m2	150	130.000	19.500.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	875	160.000	140.000.000
	Sơn lại cửa sắt, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
	Lát gạch nền	m2	250	390.000	97.500.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	35.000.000	35.000.000
2	Làm mới tường rào các mặt bị hỏng (thôn 2 dài 310 mét; điểm chính 22 mét)	md	332	2.700.000	896.400.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS KROONG-THÔN KROONG KLAH
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	802.400.000	64.192.000	866.592.000	Gxd	$Gxd1+Gxd2$
1	Sửa chữa nhà học 04 phòng+khu vệ sinh	531.300.000	42.504.000	573.804.000	Gxd1	Bảng TH
2	Sửa chữa nhà học 02 phòng	271.100.000	21.688.000	292.788.000		Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	27.650.704	2.212.056	29.862.760	Gqlda	$Gxd3*3,446\%$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	82.591.032	6.607.283	89.198.315	Gtv	$Gtv=Gtv1+..+Gtv4$
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	52.156.000	4.172.480	56.328.480	Gtv1	$Gxd*6,5\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.070.192	165.615	2.235.807	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.006.000	160.480	2.166.480	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	26.358.840	2.108.707	28.467.548	Gtv4	$Gxd*3,285\%$
IV	CHI PHÍ KHÁC	6.200.000	0	6.200.000	Gk	$Gk=Gk1+..+Gk2$
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	$TMĐT*0,019\%*0,5(TT 500.000)$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	5.700.000		5.700.000	Gk2	$TMĐT*0,57\%$
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			49.592.654	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			49.592.654	Gdp1	$Gdp 5\%$
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.041.000.000	TMĐT	$I+II+.....+V$

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

	TT HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa nhà học 04 phòng+khu vệ sinh	m2	260		531.300.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	30.000.000	30.000.000
	Thay trần tôn	m2	260	250.000	65.000.000
	Thay đà trần thép	tấn	1	30.000.000	30.000.000
	Trám vá các vết nứt tường, trát lại các vị trí bong đổ	m2	50	130.000	6.500.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	910	160.000	145.600.000
	Sơn lại cửa sắt, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
	Lát gạch nền	m2	260	420.000	109.200.000
	Thay thế thiết bị khu vệ sinh, đường ống cấp thoát nước	toàn bộ	1	50.000.000	50.000.000
	Thông hút hầm cầu	lần	1	5.000.000	5.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	45.000.000	45.000.000
2	Sửa chữa nhà học 02 phòng	m2	130		271.100.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	15.000.000	15.000.000
	Thay trần tôn	m2	130	250.000	32.500.000
	Thay đà trần thép	tấn	0,7	30.000.000	21.000.000
	Trám vá các vết nứt tường, trát lại các vị trí bong đổ	m2	40	130.000	5.200.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	455	160.000	72.800.000
	Sơn lại cửa sắt, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	35.000.000	35.000.000
	Lát gạch nền	m2	130	420.000	54.600.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	35.000.000	35.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS NGỌK BAY-THÔN KON HƠ NGO (ĐIỂM THCS)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌK BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	911.627.000	72.930.160	984.557.160	Gxd	$Gxd1+Gxd2$
1	Sửa chữa nhà học 05 phòng số 1+khu vệ sinh	409.772.000	32.781.760	442.553.760	Gxd1	Bảng TH
2	Sửa chữa nhà học 05 phòng số 2+khu vệ sinh	501.855.000	40.148.400	542.003.400		Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	31.414.666	2.513.173	33.927.840	Gqlda	$Gxdb*3,446\%$
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	93.833.767	7.506.701	101.340.469	Gtv	$Gtv=Gtv1+..+Gtv4$
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	59.255.755	4.740.460	63.996.215	Gtv1	$Gxd*6,5\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.351.998	188.160	2.540.157	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.279.068	182.325	2.461.393	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	29.946.947	2.395.756	32.342.703	Gtv4	$Gxd*3,285\%$
IV	CHI PHÍ KHÁC	6.770.000	0	6.770.000	Gk	$Gk=Gk1+..+Gk2$
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	$TMĐT*0,019\%*0,5(TT$ 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.270.000		6.270.000	Gk2	$TMĐT*0,57\%$
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			56.329.773	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			56.329.773	Gdp1	$Gdp 5\%$
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.183.000.000	TMĐT	$I+II+.....+V$



Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP

GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thuận

	THÀNH MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa nhà học 05 phòng số 1+khư vệ sinh	m2	336,2		409.772.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
	Trám vữa các vết nứt tường, trát lại các vị trí bong độ	m2	50	130.000	6.500.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1176,7	160.000	188.272.000
	Sơn lại cửa sắt, thay thế kính	toàn bộ	1	70.000.000	70.000.000
	Thay thế thiết bị khu vệ sinh, đường ống cấp thoát nước	toàn bộ	1	60.000.000	60.000.000
	Thông hút hầm cầu	lần	1	5.000.000	5.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	35.000.000	35.000.000
2	Sửa chữa nhà học 05 phòng số 2+khư vệ sinh	m2	364,9		501.855.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	15.000.000	15.000.000
	Trám vữa các vết nứt tường, trát lại các vị trí bong độ	m2	40	130.000	5.200.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1277,2	160.000	204.344.000
	Sơn lại cửa sắt, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	35.000.000	35.000.000
	Lát gạch nền	m2	364,9	390.000	142.311.000
	Thay thế thiết bị khu vệ sinh, đường ống cấp thoát nước	toàn bộ	1	60.000.000	60.000.000
	Thông hút hầm cầu	lần	1	5.000.000	5.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	35.000.000	35.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS NGỌK BAY-THÔN MĂNG LA (ĐIỂM THCS)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌK BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.014.000.000	81.120.000	1.095.120.000	Gxd	GxdI
1	Làm tường rào (thay thế tường rào bị nứt, gãy, mất an toàn); tổng chiều dài 390,0 mét	1.014.000.000	81.120.000	1.095.120.000	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	34.942.440	2.795.395	37.737.835	Gqlđa	Gxdb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	104.371.020	8.349.682	112.720.702	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	65.910.000	5.272.800	71.182.800	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.616.120	209.290	2.825.410	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.535.000	202.800	2.737.800	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	33.309.900	2.664.792	35.974.693	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	6.770.000	0	6.770.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.270.000		6.270.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			62.617.427	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			62.617.427	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.315.000.000	TMĐT	I+II+.....+V

KON TUM, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP

CÔNG TY TNHH MTV
TƯ VẤN - XÂY DỰNG
HIGHLAND
KON TUM
TỈNH QUẢNG NGÃI

GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS VINH QUANG - ĐIỂM CƠ SỞ 2 CẤP TIỂU HỌC (THÔN KONHNGO)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	960.085.000	76.806.800	1.036.891.800	Gxd	Gxd1
1	Sửa chữa nhà học 10 phòng (02 tầng)	960.085.000	76.806.800	1.036.891.800	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	33.084.529	2.646.762	35.731.291	Gqlđa	Gxdb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	84.420.274	6.753.622	91.173.896	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	48.004.250	3.840.340	51.844.590	Gtv1	Gxd*5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	2.477.019	198.162	2.675.181	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	2.400.213	192.017	2.592.230	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	31.538.792	2.523.103	34.061.896	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	7.340.000	0	7.340.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.840.000		6.840.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			58.556.849	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			58.556.849	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			1.230.000.000	TMĐT	I+II+.....+V

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thuận

	TT HẠNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Sửa chữa nhà học 10 phòng (02 tầng)	m2	739		960.085.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	75.000.000	75.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	2586,5	170.000	439.705.000
	Sơn lại cửa sắt kính	toàn bộ	1	65.000.000	65.000.000
	Thay gạch lát nền bị bong dộp, bể vỡ	m2	739	420.000	310.380.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	70.000.000	70.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH- THCS VINH QUANG-ĐIỂM CHÍNH CƠ SỞ 1 (THÔN PHƯƠNG QUÍ 2)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	720.360.000	57.628.800	777.988.800	Gxd	Gxd1
1	Sửa chữa nhà hiệu bộ (05 phòng) điểm chính cơ sở 1	720.360.000	57.628.800	777.988.800	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	24.823.606	1.985.888	26.809.494	Gqlđa	Gxdb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	74.146.655	5.931.732	80.078.388	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	46.823.400	3.745.872	50.569.272	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	1.858.529	148.682	2.007.211	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	1.800.900	144.072	1.944.972	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	23.663.826	1.893.106	25.556.933	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	5.060.000	0	5.060.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	4.560.000		4.560.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			44.496.834	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			44.496.834	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)			934.000.000	TMĐT	I+II+.....+V

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn

	HÀNG MỤC CHI PHÍ	ĐVT	QUY MÔ	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
TT	Sửa chữa nhà hiệu bộ (05 phòng) điểm chính cơ 1 số 1	m2	320		720.360.000
	Tháo dỡ mái ngói hư hỏng, thay thế bằng mái tôn	m2	416	260.000	108.160.000
	Thay xà gồ thép hộp 50*100*1,4	tấn	1,5	30.000.000	45.000.000
	Tháo dỡ trần, thay thế bằng trần nhựa	m2	320	320.000	102.400.000
	Thay dả trần thép hộp 40*80*1,4	tấn	1,1	30.000.000	33.000.000
	Xử lý chống thấm sê nô	toàn bộ	1	22.000.000	22.000.000
	Xử lý các vết nứt tường	toàn bộ	1	15.000.000	15.000.000
	Sơn lại tường trong, ngoài nhà	m2	1120	170.000	190.400.000
	Lát gạch nền	m2	320	420.000	134.400.000
	Sơn lại cửa, thay thế một số cửa bị hư hỏng	toàn bộ	1	45.000.000	45.000.000
	Sửa chữa hệ thống điện	ht	1	25.000.000	25.000.000

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG TH-THCS VINH QUANG- ĐIỂM CƠ SỞ 3 CẤP THCS (THÔNG PHƯƠNG QUÍ 2)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	437.000.000	34.960.000	471.960.000	Gxd	Gxd1
1	Làm cổng tường rào (thay thế cổng, tường rào bị nát, gãy, mất an toàn); tổng chiều dài 145,0 mét	437.000.000	34.960.000	471.960.000	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	15.059.020	1.204.722	16.263.742	Gqlđa	Gxldb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	44.980.410	3.598.433	48.578.843	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	28.405.000	2.272.400	30.677.400	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	1.127.460	90.197	1.217.657	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	1.092.500	87.400	1.179.900	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	14.355.450	1.148.436	15.503.887	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	3.350.000	0	3.350.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.850.000		2.850.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			27.007.629	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			27.007.629	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)			567.000.000	TMDT	I+II+.....+V



Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP

GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thuận

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG MẦM NON BẰNG LĂNG- CƠ SỞ 1 (THÔN KON RỜ BÀNG)
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC BAY- TỈNH QUẢNG NGÃI

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	668.200.000	53.456.000	721.656.000	Gxd	Gxd1
1	Làm tường rào (thay thế cổng, tường rào bị nứt, gãy, mất an toàn); tổng chiều dài 257,0 mét	668.200.000	53.456.000	721.656.000	Gxd1	Bảng TH
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	23.026.172	1.842.094	24.868.266	Gqlda	Gxdb*3,446%
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	68.777.826	5.502.226	74.280.053	Gtv	Gtv=Gtv1+..+Gtv4
1	Chi phí lập báo cáo KTKT	43.433.000	3.474.640	46.907.640	Gtv1	Gxd*6,5%
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	1.723.956	137.916	1.861.872	Gtv2	Gxd*0,258%
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	1.670.500	133.640	1.804.140	Gtv3	Gxd*0,25%
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	21.950.370	1.756.030	23.706.400	Gtv4	Gxd*3,285%
IV	CHI PHÍ KHÁC	3.350.000	0	3.350.000	Gk	Gk=Gk1+..+Gk2
1	Lệ phí thẩm định BC KTKT (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000	Gk1	TMĐT*0,019%*0,5(TT 500.000)
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.850.000		2.850.000	Gk2	TMĐT*0,57%
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			41.207.716	Gdp	
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh +trượt giá			41.207.716	Gdp1	Gdp 5%
	TỔNG CỘNG (làm tròn)			865.000.000	TMĐT	I+II+.....+V

Kon Tum, ngày 4 tháng 11 năm 2025

ĐƠN VỊ LẬP



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Chuẩn